

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển	5
6. Các rủi ro	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2. Tổ chức và nhân sự	6
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	12
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2. Tình hình tài chính	13
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	13
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	13
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	13
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	13
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	13
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	14
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	14
1. Hội đồng quản trị	14
2. Ban kiểm soát	15
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	16
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	18
1. Ý kiến kiểm toán	18
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	18

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : mã số doanh nghiệp 0100109699 đăng ký lần đầu ngày 12/5/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 28.349.300.000,đ (*Hai mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 28.349.300.000,đ
(*Hai mươi tám tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).
- Địa chỉ: Số 2 phố Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04. 39363543.
- Số fax: 04. 39369093.
- Website: <http://www.hapharco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (Hapharco) được thành lập ngày 06/05/1955 trên cơ sở các cửa hàng tách khỏi Công ty bách hóa. Khi Nhà nước tiến hành cải tạo công thương nghiệp, khôi phục, phát triển kinh tế, công ty đã thu hút một số đại lý, nhà thuốc tư nhân, sáp nhập với công ty thuốc Nam thuốc Bắc thành Quốc doanh Dược phẩm.

Năm 1983 Công ty sáp nhập với Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Xí nghiệp Liên hợp Dược Hà Nội. Sau 1993, do chủ trương chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động, Xí nghiệp Liên hợp Dược được tách thành 3 đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội. Hapharco được hình thành trên cơ sở khối kinh doanh và sáp nhập thêm 3 công ty khác.

Ngày 16/04/2003 Công ty được cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội theo Quyết định số 2050/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội.

Từ ngày 20/12/2012 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) chính thức là đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (51%).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính :

- + Doanh nghiệp bán buôn thuốc;
 - Quầy thuốc;
 - Nhà thuốc;
 - + Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ y tế, hóa chất, vaccin, sinh phẩm, nguyên phụ liệu; Kinh doanh hàng hóa phục vụ cho chăm sóc con người.
 - + Kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao bao gồm: Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa.
 - + Đại lý bán buôn vaccin, sinh phẩm y tế. Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc. Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc.
 - + Xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ y tế, hóa chất, vaccin, sinh phẩm, nguyên phụ liệu, kính mắt.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

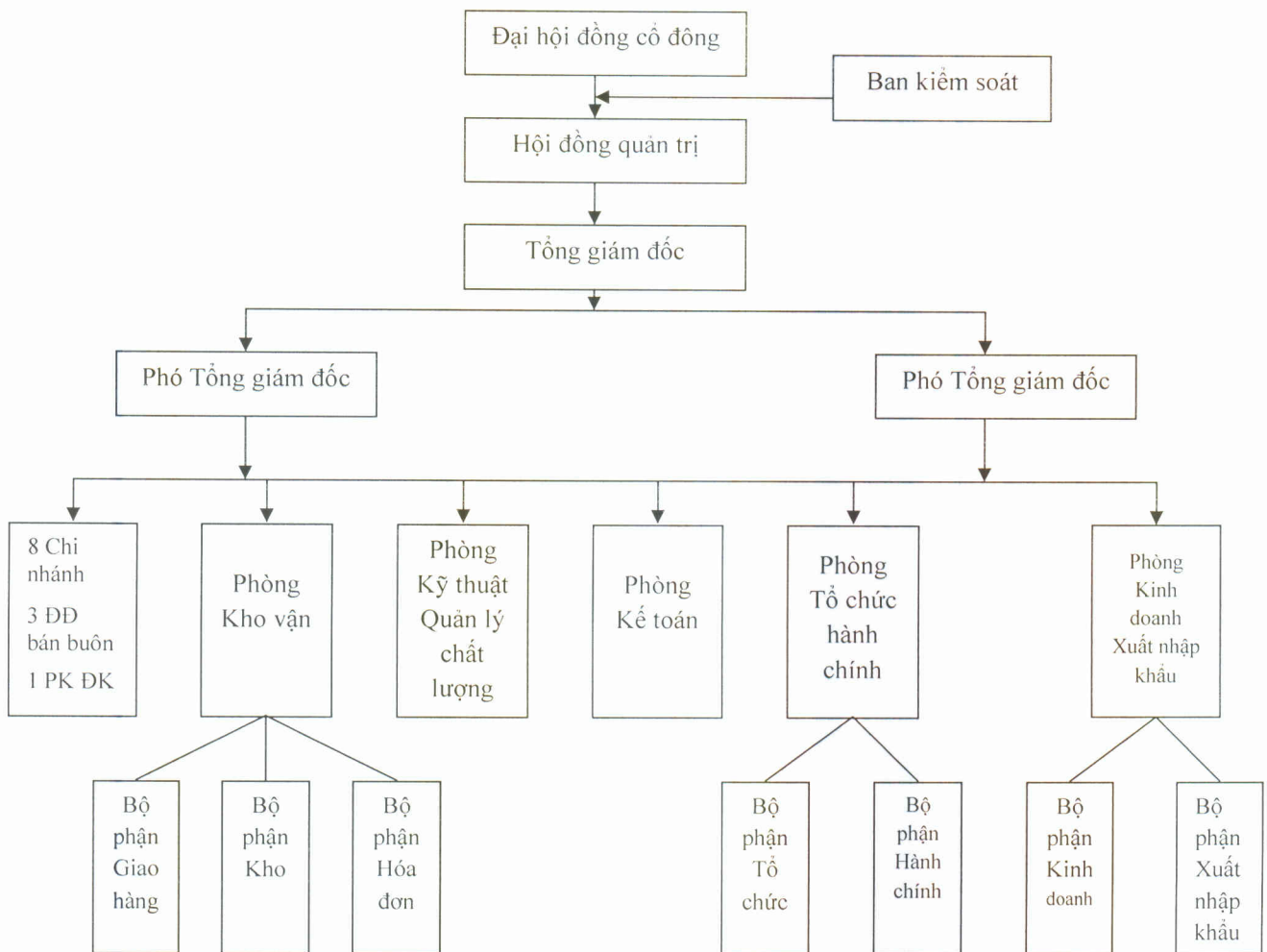
3.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là : Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội :



Ghi chú:

Các Chi nhánh

- | | |
|----------------|---------------------|
| 1. Chi nhánh 5 | 5. Chi nhánh 10 |
| 2. Chi nhánh 7 | 6. Chi nhánh 11 |
| 3. Chi nhánh 8 | 7. Chi nhánh 15 |
| 4. Chi nhánh 9 | 8. Chi nhánh TP HCM |

3 địa điểm bán buôn, 1 phòng khám đa khoa

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. Q 115 – 168 Ngọc Khánh | 3. CH Thăng Long |
| 2. Q 437 – Trung tâm Hapu | 4. Phòng khám 98 Hàng Buồm |

Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội.

- Đại hội đồng cổ đông : Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 5 thành viên.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc

- Kế toán trưởng

- Các phòng ban : Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kỹ thuật – quản lý chất lượng, Phòng kinh doanh - xuất nhập khẩu, Phòng Kho vận.

- Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty : Công ty có 9 chi nhánh, trong đó có 1 phòng khám đa khoa, 3 địa điểm bán buôn.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết : Không có.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là tiến hành kinh doanh sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế và các ngành nghề lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhằm thu lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, cổ tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển công ty phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tăng cường đầu tư để đáp ứng với quy mô phân phối chuyên nghiệp trên toàn quốc, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch công tác và các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh hàng năm; cố gắng đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách của người lao động, quyền lợi của cổ đông, nghĩa vụ đối với Nhà nước và tuân thủ theo điều lệ, quy chế, pháp luật hiện hành và quy định của ngành.

Tiếp tục ưu tiên tập trung phát triển thương hiệu Hapharco là nhà nhập khẩu phân phối Dược phẩm thiết bị y tế chuyên nghiệp, hiện đại, quy mô toàn quốc. Tìm các giải pháp để phát triển kinh doanh bán lẻ vì mục đích hiệu quả, việc làm và thu nhập cho người lao động

Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2020 và Tầm nhìn đến 2030: với nội dung chính dựa trên sự gắn kết chiến lược thị trường, kinh doanh, phát triển thương hiệu, công tác tổ chức nhân sự...

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Hoạt động kinh doanh với mục tiêu xã hội hướng tới : không gây ô nhiễm môi trường, thu nhập và việc làm ổn định cho người lao động.

6. Các rủi ro:

Sự biến động của kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá và chính sách phát triển chung của nền kinh tế cũng như của ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự cạnh tranh trong thị trường phân phối thuốc ngày càng gay gắt với các nhà thuốc tư nhân mở ra ngày càng nhiều cũng như sự cạnh tranh của các nhà phân phối dược phẩm khác. Ngành kinh doanh dược phẩm lại là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty phải bỏ ra nhiều chi phí, chấp hành nhiều quy định bắt buộc của ngành về đấu thầu, chính sách giá, quản lý chất lượng thuốc. Các nhà cung cấp của Công ty tiến hành xét thầu nhà phân phối để lựa chọn các nhà phân phối có quy mô lớn, có khả năng phân phối toàn quốc là một khó khăn thách thức lớn với Công ty. Cơ sở vật chất từ mô hình Nhà nước nên nhiều điểm xuống cấp, vị trí kinh doanh không thuận lợi, nhiều điểm phải đi thuê.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm liền kề:

Năm 2014, mặt dù còn rất nhiều khó khăn về thị trường cạnh tranh khốc liệt, sự suy giảm kinh tế và các khoản chi phí tăng cao ... Nhưng do có bước chuẩn bị chu đáo và ứng phó hiệu quả, trên quan điểm xác định rõ tình hình, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đề ra nhiều biện pháp hiệu quả thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả kinh doanh đạt được như sau:

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	KH năm 2014	Thực hiện năm 2014	TH 2014/ TH 2013	TH 2014/ KH2014
Doanh thu	1,956,417,834,918	1,874,589,000,000	1,940,318,430,281	99%	104%
Lợi nhuận trước thuế	32,705,040,728	33,160,000,000	64,419,734,713 Trong đó: - Từ HĐKD: 34,546,787,369 - Từ xử lý tồn tại: 29,872,947,344	106%	104%
Thuế TNDN	10,308,419,831		29,406,228,051 Trong đó: - Từ HĐKD: 10,173,691,040 - Từ xử lý tồn tại: 19,232,537,011	99%	
Lợi nhuận sau thuế	22,396,620,897		35,013,506,662 Trong đó: - Từ HĐKD: 24,373,096,329 - Từ xử lý tồn tại: 10,640,410,333	109%	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành 2014 :

* Danh sách Ban điều hành:

- | | | |
|---|------------------------|-------------------|
| 1 | Bà Trần Thị Ánh Nguyệt | Tổng giám đốc |
| 2 | Ông Đinh Văn Đông | Phó Tổng giám đốc |
| 3 | Ông Nguyễn Khắc Vân | Phó Tổng Giám Đốc |
| 4 | Ông Nguyễn Đức Hà | Kế Toán trưởng |

* Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

Tổng giám đốc : Trần Thị Ánh Nguyệt

Họ và tên: Trần Thị Ánh Nguyệt
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 18/04/1964

Nơi sinh: Nghệ An
 Số CMTND: 011123393
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Nghi Xuân – Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú: Số 40 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 3 9363543
 Trình độ văn hóa: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ y khoa
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 – 1999	Phòng Kinh doanh Công ty Dược Phẩm TBYT Hà Nội	Nhân viên
1999 – 2002	Phòng khám đa khoa 98 Hàng Buồm, trực thuộc Công ty Dược phẩm TBYT Hà Nội	Bác sĩ
2002 – 2005	Phòng khám đa khoa 98 Hàng Buồm, trực thuộc Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Phó Giám đốc phụ trách Phòng khám
01/2006 – 06/2008	Phòng khám đa khoa 98 Hàng Buồm, trực thuộc Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Giám đốc
07/2008 – nay	Công ty cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội	- Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ II từ 8/2008 - Bí thư Đảng ủy từ 11/2011 - Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III từ 25/4/2013

Chức vụ công tác hiện nay: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Châu
 Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Sở hữu 61.425 cổ phần (2,16% cổ phần có quyền biểu quyết); SCIC ủy quyền đại diện 20% cổ phần có quyền biểu quyết
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 Số cổ phần những người có liên quan: Không

Phó Tổng giám đốc : Đinh Văn Đông

Họ và tên: Đinh Văn Đông
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/02/1969
 Nơi sinh: Tuyên Quang
 Số CMTND: 013305713

Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	
Địa chỉ thường trú:	14/134/33 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	04.39369266	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Dược sĩ Đại Học	
Quá trình công tác:		
Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1992 – 1/2001	Phòng Kỹ thuật Công ty Dược và Vật tư y tế Tuyên Quang	Chuyên viên
1/2001 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Chi ủy viên, Bí thư ĐTN Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ, Trưởng Hiệu thuốc, Phó phòng KDXNK, Trưởng phòng Kho vận, Trưởng phòng KDXNK, Phó Tổng giám đốc
Chức vụ công tác đến 31/12/2014:		Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:		
Số cổ phần hiện đang nắm giữ	495 cổ phần (0,017% cổ phần có quyền biểu quyết)	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không	
Số cổ phần những người có liên quan	Không	

Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Khắc Vân

Họ và tên:	Nguyễn Khắc Vân
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/03/1963
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMTND:	011344048
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	B42 Phố chợ Phú Cường – Xã Phú Cường – Huyện Sóc Sơn – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	04 38688693
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Dược sĩ Đại học
Quá trình công tác:	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/1987 – 12/2004	Chi nhánh số 8 - Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Cán bộ Kỹ thuật
01/2005 – 12/2005	Chi nhánh số 8 – Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Phó Giám đốc
01/2006 – 03/2012	Chi nhánh số 8 – Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Giám đốc
01/04/2012 đến nay	Phòng Kho vận – Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Trưởng phòng Kho vận; Thành viên HĐQT từ 25/4/2013; Phó TGĐ từ 1/1/2014
Chức vụ công tác đến 31/12/2014:		Thành viên HĐQT, Phó TGĐ, Trưởng phòng Kho vận
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không có
Số cổ phần hiện đang nắm giữ		8.347 cổ phần (0,29% cổ phần có quyền biểu quyết)
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với Công ty:		Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:		Không
Số cổ phần những người có liên quan		Không

Kế toán trưởng: Nguyễn Đức Hà

Họ và tên:	Nguyễn Đức Hà
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/10/1980
Nơi sinh:	Hải Phòng
Số CMTND:	012928748
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	An Sinh – Kinh Môn – Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Tổ 48B – Phường Khương Trung – Quận Thanh Xuân – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	04.3 9363413
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2004 – năm 2006	Công ty Golden Way Hải Phòng	Chuyên viên kế toán
2006 – T2/2008	Công ty CP cơ khí Đức Anh	Kế toán trưởng
03/2008 – 11/2008	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng BP giao dịch
03/2009 – 06/2010	Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Chuyên viên kế toán
07/2010 – 12/2012	Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Phó phòng kế toán
01/2013 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TBYT Hà Nội	Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần hiện đang nắm giữ	13.769 cổ phần (0,486% cổ phần có quyền biểu quyết)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số cổ phần những người có liên quan	Không

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách đối với người lao động.

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Số lượng người lao động trong Công ty đến 31/12/2014 là: 279 người, trong đó có 234 hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 45 hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm và 03 năm.

Công ty đã đảm bảo thực hiện đúng, đủ và giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho CBCNV của Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty đã đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty theo đúng quy định. Ngoài ra tham gia bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV.
- Xây dựng phương án chi trả lương – thu nhập cho CBCNV trong Công ty dựa vào hiệu quả kinh doanh. Đảm bảo mức lương – thu nhập người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định.
- Giải quyết kịp thời, đúng, đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động và các chế độ khác cho người lao động khi ốm đau, nghỉ dưỡng sức, thai sản, hưu trí, thôi việc. Hướng dẫn người lao động làm thủ tục giám định y khoa khi nghỉ hưu trước tuổi.
- Người lao động khi nghỉ hưu được Công ty hỗ trợ :
 - + Đối với cán bộ quản lý : 02 tháng lương hệ số CBCN
 - + Đối với cán bộ công nhân viên : 01 tháng lương hệ số CBCN.
 Có chính sách hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên nữ khi sinh con.
- Giải quyết thôi việc cho người lao động khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ đúng chế độ và thủ tục quy định. Hướng dẫn thủ tục hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp sau khi người lao động chấm dứt HĐLĐ.
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Thực hiện chế độ nâng bậc lương hàng năm cho người lao động theo đúng quy định.
- Thực hiện chế độ đào tạo chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho người lao động.
- Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi lễ hội đầu năm, nghỉ mát.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm Công ty đã triển khai và hoàn thành Dự án đầu tư Kho bảo quản đạt tiêu chuẩn GSP Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

ĐVT : Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,334,530,894,611	1,210,779,674,166	91%
Doanh thu thuần	1,878,450,966,125	1,835,856,292,741	98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25,894,063,637	27,838,806,875	108%
Lợi nhuận khác	6,810,977,091	36,580,927,838	537%
Lợi nhuận trước thuế	32,705,040,728	64,419,734,713 Trong đó: - Từ HĐKD: 34,546,787,369 - Từ xử lý tồn tại: 29,872,947,344	106%
Lợi nhuận sau thuế	22,396,620,897	35,013,506,662 Trong đó: - Từ HĐKD: 24,373,096,329 - Từ xử lý tồn tại: 10,640,410,333	109%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20% TM, 50% CP	Dự kiến 30% TM	43%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.07	1.09	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.62	0.65	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.92	0.89	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12.13	8.13	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4	3	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.41	1.52	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.01	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.22	0.26	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.02	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.01	0.02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 2.834.930 cổ phần (Hai triệu tám trăm ba mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi cổ phần).
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 2.834.930 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước (tổ chức): Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) MSDN: 0101992921 Địa chỉ: Tầng 23 – 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	1.445.850	14.458.500.000	51%	1
2	Cổ đông cá nhân	1.389.080	13.890.800.000	49%	343
	Tổng	2.834.930	28.349.300.000	100%	344

Công ty không có cổ đông nước ngoài.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2014 thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 với tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phần được trả cổ tức 1 cổ phần), tăng vốn điều lệ Công ty từ 18.900.000.000 đồng lên 28.349.300.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với sự chỉ đạo sát sao của cơ quan quản lý, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 đã vượt kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận: Doanh thu là 1.940.318.430.281 đ đạt 104% kế hoạch, LNTT là 64.419.734.713 đ (trong đó LNTT từ hoạt động kinh doanh: 34.546.787.369 đ đạt 104% KH, LNTT từ xử lý tồn tại là: 29.872.947.344 đ).

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Công ty kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tình hình tài sản có biến động theo chiều hướng gia tăng về giá trị và hiệu quả sử dụng tài sản.

Công ty đã thường xuyên, định kỳ đối chiếu công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, đánh giá các khoản nợ phải thu quá hạn để trích lập dự phòng phải thu...

Tình hình nợ phải trả

Công nợ phải trả của Công ty chủ yếu là công nợ phải trả ngắn hạn, Công ty thực hiện thanh toán cho các khách hàng theo đúng thời hạn quy định để không ảnh hưởng đến việc được hưởng các khoản chiết khấu thanh toán và tình hình giao hàng...

Trong những năm gần đây Công ty không phát sinh khoản nợ xấu phải trả, các khoản công nợ tồn tại từ trước năm 2008 đã được Công ty xử lý dứt điểm trong BCTC 2014.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2014 Công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, bố trí nhân sự Công ty và Chi nhánh phù hợp với điều kiện kinh doanh và quy mô Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục ưu tiên tập trung phát triển thương hiệu Hapharco là nhà nhập khẩu phân phối Dược phẩm thiết bị y tế chuyên nghiệp, hiện đại, quy mô toàn quốc. Tìm các giải pháp để phát triển kinh doanh bán lẻ vì mục đích hiệu quả, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục tìm kiếm địa điểm và triển khai kế hoạch đầu tư Kho đạt tiêu chuẩn bảo quản thuốc, vắc xin sinh phẩm tại Hà Nội. Bố trí, lựa chọn, tuyển dụng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các hoạt động.

- Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015 – 2020 và Tầm nhìn đến 2030.

- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai các phương án sử dụng mặt bằng hợp lý, hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh của Công ty, bù đắp cho các hoạt động kinh doanh có lợi nhuận chưa cao.

- Tăng cường sự đoàn kết và sự phối hợp nội bộ, tăng cường sự ủng hộ của các cổ đông và các cơ quan ban ngành; từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong BCTC kiểm toán năm 2014, kiểm toán viên có ý kiến chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu của Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty để đạt được kết quả trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT; chủ động sáng tạo và trách nhiệm cao đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng quy định, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, tuân thủ pháp luật cũng như đóng góp các hoạt động xã hội; quan tâm hoạt động của công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 nhiều khó khăn biến động, cạnh tranh kinh doanh Dược ngày càng khốc liệt, việc các nhà cung cấp của Công ty tiến hành xét thầu nhà phân phối để lựa chọn các nhà phân phối có quy mô lớn phạm vi toàn quốc là một khó khăn thách thức lớn với Hapharco. Hiện nay quy mô Công ty chưa đủ lớn, Công ty có thể mất các nhà cung cấp lớn; hệ thống bán lẻ doanh thu sút giảm kém hiệu quả, mô hình kinh doanh bán lẻ hiện nay thể hiện nhiều hạn chế không có sức cạnh tranh, mạng lưới cơ sở nhà cửa của hệ thống các chi nhánh lẻ đã cũ xuống cấp trầm trọng cần phải đầu tư, thuê nhà đất tăng cao, phải đầu tư kho, cơ sở vật chất và nhân sự để đáp ứng yêu cầu hoạt động, nên việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 thực sự rất khó khăn.

Khắc phục khó khăn phát huy các lợi thế, Hội đồng quản trị với trách nhiệm và quyết tâm cao, thống nhất đề ra nhiệm vụ năm 2015: Tăng cường đầu tư để đáp ứng với quy mô phân phối chuyên nghiệp trên toàn quốc, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch công tác và các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2015; cố gắng đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách của người lao động, quyền lợi của cổ đông, nghĩa vụ đối với Nhà nước và tuân thủ theo điều lệ, quy chế, pháp luật hiện hành và quy định của ngành.

Tiếp tục ưu tiên tập trung phát triển thương hiệu Hapharco là nhà nhập khẩu phân phối Dược phẩm thiết bị y tế chuyên nghiệp, hiện đại, quy mô toàn quốc. Tìm các giải pháp để phát triển kinh doanh bán lẻ vì mục đích hiệu quả, việc làm và thu nhập cho người lao động. Tiếp tục tìm kiếm địa điểm và triển khai kế hoạch đầu tư Kho đạt tiêu chuẩn bảo quản thuốc, vắc xin sinh phẩm tại Hà Nội. Bố trí, lựa chọn, tuyển dụng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các hoạt động.

Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015-2020 và Tầm nhìn đến 2030.

Tiếp tục nghiên cứu và triển khai các phương án sử dụng mặt bằng hợp lý, hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh của công ty, bù đắp cho các hoạt động kinh doanh có lợi nhuận chưa cao.

Tăng cường sự đoàn kết và sự phối hợp nội bộ, tăng cường sự ủng hộ của các cổ đông, của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	TV điều hành/ không điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Trần Thị Ánh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT, TGD	TV điều hành	2,16% (sở hữu) 20% (SCIC ủy quyền đại diện)	1
2	Nguyễn Hồng Hiến	TV HĐQT	TV không điều hành	21% (SCIC ủy quyền đại diện)	2
3	Trần Thị Hồng Linh	TV HĐQT	TV không điều hành	10% (SCIC ủy quyền đại diện)	0

4	Nguyễn Đức Hà	TV HĐQT, Kế toán trưởng	TV điều hành	0,486%	0
5	Nguyễn Khắc Văn	TV HĐQT, Phó TGĐ	TV điều hành	0,29%	0

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện không có các tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị làm việc với trách nhiệm cao, đồng thuận, tập trung trí tuệ vì quyền lợi của Công ty, người lao động và các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã luôn đúng đắn kịp thời đáp ứng tình hình thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Năm 2014 có 5 cuộc họp, 8 phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, đã ban hành 27 Nghị quyết, Quyết định, thông qua các vấn đề sau đây :

- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014;
- Thông qua Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị 2014, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2014;
- Ban hành Bộ Quy chế, quy trình, quy định của Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt và cổ phiếu; tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu trả cổ tức; đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty do tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh; xem xét sử dụng mặt bằng có hiệu quả; phân công và triển khai tiếp tục tìm kiếm địa điểm đầu tư Kho bảo quản Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GSP tại Hà Nội; thành lập Tổ công tác nghiên cứu đề xuất phương án phát triển kinh doanh bán lẻ; thống nhất để giải quyết tồn tại tài chính kế toán;
- Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Giám đốc Chi nhánh 5;
- Thông qua dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2015, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Phê duyệt Phương án chi trả lương – thu nhập cho cán bộ nhân viên năm 2015.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập (2/5 thành viên) thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị Công ty: tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp ý kiến và thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, đề xuất, trao đổi, góp ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện không có các tiểu ban.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có.

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	0
2	Trương Huyền Trang	TV Ban kiểm soát	0,04%
3	Nguyễn Thị Hải Yến	TV Ban kiểm soát	0,2%

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2014 Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên tiếp tục thực hiện các công việc trong phạm vi, quyền hạn của mình kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty để thực hiện các mục tiêu kiểm soát: kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động, kiểm soát tài chính.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 căn cứ vào danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 thông qua.

- Trưởng Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến về các nội dung cần sự đồng thuận cao và báo cáo lại các thành viên BKS để thông qua.

- Đại diện Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát đột chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2013 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Đã thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC trong năm 2014 theo Hợp đồng Kiểm toán ký với Công ty TNHH Kiểm toán An Phú; thẩm tra BCTC đã được kiểm toán theo CMKT Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam và không có những sai sót trọng yếu.

- Đã tổ chức xem xét, thẩm tra theo các chuyên đề như xem xét hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, rà soát thực hiện khuyến nghị của Ban kiểm soát năm 2013,...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Thu nhập 2014	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thị ánh Nguyệt	884,211,715	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	T1-12
2	Nguyễn Khắc Vân	626,266,794	Thành viên HĐQT, Phó TGD Trưởng phòng kho vận	T1-12
3	Đinh Văn Đông	642,804,335	Phó tổng giám đốc	T1-12
4	Nguyễn Đức Hà	617,624,378	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng	T1-12
5	Trương Huyền Trang	237,619,392	Thành viên Ban Kiểm soát NV Phòng kho vận	T1-12
6	Nguyễn Thị Hải Yến	115,904,752	Thành viên Ban Kiểm soát NV Phòng kho vận	T1-12
7	Nguyễn Tiến Dũng	72,000,000	Trưởng Ban kiểm soát	T1-12
8	Nguyễn Hồng Hiền	60,000,000	Thành viên HĐQT	T1-12
9	Nguyễn Hải Vinh	55,000,000	Thành viên HĐQT (đến 30/11/2014)	T1-11
10	Trần Thị Hồng Linh	5,000,000	Thành viên HĐQT (từ 1/12/2014)	T12
	Tổng cộng	3,034,907,222		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (1/1/2014)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2014)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông nội bộ (cổ đông lớn)	963.900	51%	1.445.850	51%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	Người đại diện vốn: Nguyễn Hồng Hiền	Cổ đông nội bộ (TV HĐQT)	396.900	21%	595.335	21%	Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện
	Người đại diện vốn: Trần Thị Ánh Nguyệt	Cổ đông nội bộ (Chủ tịch HĐQT, TGD)	378.000	20%	566.986	20%	Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện
	Người đại diện vốn: Nguyễn Hải Vinh	Cổ đông nội bộ (TV HĐQT)	189.000	10%	0	0	Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện Thôi làm Người đại diện 11/2014
	Người đại diện vốn: Trần Thị Hồng Lĩnh	Cổ đông nội bộ (TV HĐQT)	0	0	283.529	10%	Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện Người đại diện vốn Nhà nước từ 12/2014
2	Trần Thị Ánh Nguyệt	Cổ đông nội bộ (Chủ tịch HĐQT, TGD)	40.950	2,16%	61.425	2,16%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Nguyễn Đức Hà	Cổ đông nội bộ (TV HĐQT, Kế toán trưởng)	4.785	0,25%	13.769	0,48%	Mua CP; Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Nguyễn Khắc Vân	Cổ đông nội bộ (TV HĐQT)	5.565	0,29%	8.347	0,29%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Trương Huyền Trang	Cổ đông nội bộ (TV BKS)	795	0,04%	1.192	0,04%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Hải Yến	Cổ đông nội bộ (TV BKS)	3.840	0,2%	5.760	0,2%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Đinh Văn Đông	Cổ đông nội bộ (Phó TGD)	330	0,017%	495	0,017%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nhữ Thị Thùy Anh	Thư ký Công ty	750	0,04%	1.125	0,04%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã tuân thủ và thực hiện các quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/7/2012, công bố thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 5/4/2012.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Phú, bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

Một số nội dung trong Báo cáo tài chính tổng hợp tóm tắt năm 2014 đã được kiểm toán :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.179.829.079.558	1.320.157.791.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114.737.612.655	129.910.879.663
1. Tiền	111		73.737.612.655	90.910.879.663
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	39.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	14.317.145.297	27.189.896.548
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14.317.145.297	27.189.896.548
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		497.278.685.734	550.527.724.095
1. Phải thu của khách hàng	131	6	487.078.581.997	481.803.673.242
2. Trả trước cho người bán	132		2.592.045.437	55.584.081.007
5. Các khoản phải thu khác	135	7	14.385.895.620	19.727.008.801
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.777.837.320)	(6.587.038.955)
IV. Hàng tồn kho	140	8	483.411.275.068	551.932.760.695
1. Hàng tồn kho	141		483.411.275.068	552.037.574.695
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(104.814.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.084.360.804	60.596.530.459
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.401.283.141	1.098.274.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.480.163.672	35.025.882.543
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	37.202.913.991	24.472.373.615
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.950.594.608	14.373.103.151
II. Tài sản cố định	220		28.554.476.265	13.025.699.195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.201.776.418	8.624.715.006
- Nguyên giá	222		37.527.297.698	20.389.631.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.325.521.280)	(11.764.916.275)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.514.289.452	1.746.032.739
- Nguyên giá	228		4.413.511.340	3.054.161.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.899.221.888)	(1.308.128.601)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.838.410.395	2.654.951.450
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		155.000.000	155.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		155.000.000	155.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.241.118.343	1.192.403.956
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.383.800.805	343.563.142
2. Tài sản dài hạn khác	268		857.317.538	848.840.814
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			1.210.779.674.166	1.334.530.894.611

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.216.175.435	1.232.865.343.336
I. Nợ ngắn hạn	310		1.077.694.895.435	1.231.396.561.519
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	106.784.052.973	104.830.649.056
2. Phải trả người bán	312	14	882.979.552.544	1.043.278.651.544
3. Người mua trả tiền trước	313		2.709.461.414	6.832.729.031
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	25.643.076.378	7.189.268.753
5. Phải trả người lao động	315		6.419.137.092	7.611.801.554
6. Chi phí phải trả	316	16	2.281.659.313	3.611.347.210
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	50.272.748.304	57.934.189.180
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		605.207.417	107.925.191
II. Nợ dài hạn	330		521.280.000	1.468.781.817
4. Vay và nợ dài hạn	334		410.300.000	-
7. Doanh thu chưa thực hiện	337		110.980.000	1.468.781.817
B. NGUỒN VỐN	400		132.563.498.731	101.665.551.275
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	132.563.498.731	101.665.551.275
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.349.300.000	18.900.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		9.716.245.725	8.596.414.680
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.703.107.197	18.463.445.107
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.037.870.329	2.037.870.329
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		71.756.975.480	53.667.821.159
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1.210.779.674.166	1.334.530.894.611

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.559.752,36	906.185,80
- Euro	379,16	158.510,67
- Dollar Singapore (SGD)	1.209,32	1.209,32

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nguyễn Đức Hà

Trần Thị Ánh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.940.318.430.281	1.956.417.834.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	104.462.137.540	77.966.868.793
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.835.856.292.741	1.878.450.966.125
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.654.667.789.479	1.692.279.086.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		181.188.503.262	186.171.879.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	11.720.546.219	11.696.039.643
7. Chi phí tài chính	22	22	20.679.482.455	24.697.701.979
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.113.565.523</i>	<i>10.981.443.653</i>
8. Chi phí bán hàng	24	23	98.751.996.641	100.283.271.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	45.638.763.510	46.992.882.263
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		27.838.806.875	25.894.063.637
11. Thu nhập khác	31	25	94.327.645.097	8.520.394.890
12. Chi phí khác	32	26	57.746.717.259	1.709.417.799
13. Lợi nhuận khác	40		36.580.927.838	6.810.977.091
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.419.734.713	32.705.040.728
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	29.406.228.051	10.308.419.831
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		35.013.506.662	22.396.620.897
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	15.195	11.850

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nguyễn Đức Hà

Trần Thị Ánh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.419.734.713	32.705.040.728
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.244.815.292	2.283.288.305
- Các khoản dự phòng	03	85.984.365	3.362.053.333
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	2.938.139.570	1.241.439.233
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.152.461.166)	(2.425.658.727)
- Chi phí lãi vay	06	6.113.565.523	11.019.543.653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.649.778.297	48.185.706.525
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	45.763.909.063	(20.712.118.089)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	68.626.299.627	(137.486.930.482)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(175.730.729.229)	178.540.620.334
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.343.246.503)	(554.479.472)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.113.565.523)	(11.019.543.653)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.190.133.435)	(10.165.138.514)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	67.768.745.100	15.026.419.160
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(62.833.184.482)	(24.643.764.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.402.127.085)	37.170.771.672
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.647.195.404)	(4.359.638.896)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	271.818.182	500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.799.508.391)	(10.482.842.840)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.652.931.547	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.945.020.191	2.447.036.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.576.933.875)	(12.394.945.499)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	369.628.821.666	449.317.349.611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(367.265.117.749)	(476.739.057.285)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.890.000.000)	(7.575.490.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	473.703.917	(34.997.197.674)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.505.357.043)	(10.221.371.501)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	129.910.879.663	139.716.373.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	332.090.035	415.877.996
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	114.737.612.655	129.910.879.663

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nguyễn Đức Hà

Trần Thị Ánh Nguyệt

PHỤ LỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.940.318.430.281	1.956.417.834.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	104.462.137.540	77.966.868.793
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.835.856.292.741	1.878.450.966.125
4. Giá vốn hàng bán	11	1.654.667.789.479	1.692.279.086.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	181.188.503.262	186.171.879.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.720.546.219	11.696.039.643
7. Chi phí tài chính	22	20.679.482.455	24.697.701.979
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.113.565.523	10.981.443.653
8. Chi phí bán hàng	24	98.751.996.641	100.283.271.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	45.638.763.510	46.992.882.263
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	27.838.806.875	25.894.063.637
11. Thu nhập khác	31	94.327.645.097	8.520.394.890
Trong đó: Thu nhập từ xử lý công nợ tồn đọng		87.420.622.779	1.922.749.904
12. Chi phí khác	32	57.746.717.259	1.709.417.799
Trong đó: Xử lý công nợ tồn đọng		57.547.675.435	-
13. Lợi nhuận khác	40	36.580.927.838	6.810.977.091
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	64.419.734.713	32.705.040.728
Trong đó: - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh		34.546.787.369	30.782.290.824
- Lợi nhuận từ xử lý công nợ tồn đọng		29.872.947.344	1.922.749.904
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.406.228.051	10.308.419.831
Trong đó: - Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động sản xuất kinh doanh		10.173.691.040	9.827.732.355
- Chi phí thuế TNDN hiện hành từ xử lý công nợ tồn đọng		19.232.537.011	480.687.476
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60	35.013.506.662	22.396.620.897
Trong đó: - Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh		24.373.096.329	20.954.558.469
- Lợi nhuận sau thuế từ xử lý công nợ tồn đọng		10.640.410.333	1.442.062.428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15.195	11.850

Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 của Công ty và Văn phòng Công ty được đăng tải tại website Công ty www.hapharco.com.vn và trang công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2015
Đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. Trần Thị Anh Nguyệt